

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 09/10/2017 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn anh Hoàng Văn Tr trình bày: Anh và chị Phạm Thị L kết hôn với nhau vào ngày 05/12/1992, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được UBND xã N cấp đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống, vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn, đến năm 2004 chị L bỏ nhà đi đâu làm gì anh không biết rõ. Anh đã tìm kiếm nhưng không có tin tức gì về chị L. Tháng 5/2017 anh đề nghị Tòa án tuyên bố mất tích. Ngày 20/9/2017, Tòa án đã mở phiên họp tuyên bố chị L mất tích. Sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật, anh đề nghị Tòa án giải quyết để anh được ly hôn chị L theo quy định của pháp luật. Do quá trình bảo quản giấy tờ không đảm bảo nên đã mất giấy chứng nhận kết hôn (bản chính), anh cung cấp bản sao trích lục kết hôn, do UBND xã N cấp số 33/TLKH-BS, ngày 09/10/2017.

Về con: Vợ chồng có 3 con chung là Hoàng Thị T, sinh năm 1994; Hoàng Thị Đ, sinh năm 1996 và Hoàng Thị Mỹ H, sinh năm 1998. Hiện tại các con đã trưởng thành nên anh không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản: Anh Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị Phạm Thị L, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện niêm yết thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; các văn bản tố tụng khác theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Do chị L đã bị Tòa án tuyên bố mất tích nên việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải chỉ tiến hành đối với nguyên đơn, đồng thời Tòa án lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Tr vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn chị L theo quy định của pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự: anh Tr đã chấp hành các quyền và nghĩa vụ theo quy định; chị L chưa chấp hành các quyền và nghĩa vụ của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ của anh Hoàng Văn Tr và chị Phạm Thị L là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

* Về tố tụng: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

[1] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Theo anh Phạm Văn Tr trình bày anh và chị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã N cấp đăng ký kết hôn. Do anh bảo quản giấy tờ không tốt nên đã mất bản chính giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi quyết định tuyên bố chị L mất tích có hiệu lực, anh đã nộp đơn khởi kiện xin ly hôn chị L. Đồng thời, anh cung cấp bản sao trích lục kết hôn kèm theo các tài liệu, chứng cứ khác cho Tòa án.

[2] Xét về hôn nhân: Anh Phạm Văn Tr và chị Phạm Thị L chung sống với nhau từ năm 1992 là đúng thực tế. Tại thời điểm chung sống cả anh Tr và chị L đều chưa đủ điều kiện về độ tuổi kết hôn (anh Tr 17 tuổi, chị L 16 tuổi). Việc anh Tr trình bày đã được UBND xã N cấp đăng ký kết hôn, thực tế anh không xuất trình được bản chính giấy chứng nhận kết hôn, nhưng anh xuất trình bản sao trích lục kết hôn giữa anh và chị L.

Xét cơ sở của việc cấp trích lục kết hôn, Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ công văn số 14/CV-UBND ngày 03/11/2017 của UBND xã N thì thấy: Qua công tác kiểm

tra thì sổ sách việc cấp đăng ký kết hôn cho công dân thời điểm từ năm 1992 đến năm 1994 không còn lưu giữ. Từ năm 1995 cho đến nay sổ sách không thể hiện việc anh Tr và chị L kết hôn. Do đó, UBND xã không thực hiện sao chụp trang ghi chép việc đăng ký kết hôn cho anh Tr, chị L vào ngày 05/12/1992 từ sổ gốc được.

Căn cứ đơn trình bày ngày 03/11/2017 của ông Hoàng Tuấn V (cán bộ Tư pháp cũ) mà UBND xã N cung cấp: ngày 04/5/2017, anh Tr đến UBND xã xin trích lục kết hôn. Căn cứ lời trình bày của anh Tr, ông đã cấp trích lục kết hôn bản sao cho anh Tr và có lưu lại 01 bản. Đến ngày 01/6/2017, ông nghỉ hưu theo quy định.

Như vậy, trích lục kết hôn bản sao số 33/TLKH-BS, cấp ngày 09/10/2017 của UBND xã N cấp cho anh Tr chỉ căn cứ vào lời trình bày của anh Tr và trích lục kết hôn bản sao còn lưu lại của cán bộ tư pháp cũ, mà không căn cứ vào sổ gốc ghi chép việc đăng ký kết hôn. Do vậy, UBND xã N cấp trích lục kết hôn bản sao cho anh Tr là không có cơ sở. Do đó trích lục kết hôn số 33/TLKH-BS, ngày 09/10/2017 là không có giá trị pháp lý. Vì vậy, lời trình bày của anh Tr về việc có đăng ký kết hôn với chị L là không có căn cứ để xem xét.

Tuy nhiên, quá trình chung sống như vợ chồng của anh Tr đã tồn tại trong thời gian dài. Đồng thời chị L đã bị Tòa án tuyên bố mất tích, anh Tr đang đề nghị ly hôn với chị L. Xét việc đề nghị của anh Tr là hoàn toàn chính đáng, nhưng không có cơ sở để giải quyết ly hôn. Căn cứ vào Điều 9; Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình “không công nhận quan hệ của anh Hoàng Văn Tr và chị Phạm Thị L là vợ chồng” là phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Về con và tài sản: Anh Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[5] Về án phí: Anh Hoàng Văn Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ của anh Hoàng Văn Tr và chị Phạm Thị L là vợ chồng.

2. Về án phí: Anh Hoàng Văn Tr phải chịu án phí DSST là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2015/0004592 ngày 09/10/2017 của Chi cục THADS huyện Nga Sơn, anh Tr đã nộp đủ án phí DSST.

Bản án này là sơ thẩm. Anh Tr có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nga Sơn;
- Các đương sự;
- Phòng GD- KT Tòa án tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Huệ

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Phan Quốc Văn Nguyễn Văn Hạnh

Lê Thị Huệ

